

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2020/DS-ST

Ngày 03 tháng 9 năm 2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn

2. Ông Nguyễn Văn Tư.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 03/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2020/TLST-DS ngày 26/5/2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST – DS ngày 31/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2020/QĐST-DS ngày 17/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2020/QĐST-DS ngày 27/8/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị Kim L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 512, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

*** Bị đơn:** Ông Đoàn Ngọc Đ, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số 03, K, Tổ dân phố số X, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Tôn Văn T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 16/01/2012 bà Bùi Thị Kim L cho ông Đoàn Ngọc Đ vay 500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 20 %/năm, ông Đ viết giấy vay tiền cho bà L, quá trình trả nợ vay, năm đầu tiên ông Đ trả được tổng cộng 83.330.000 đồng tiền lãi và sau này trả được 400.000.000 đồng tiền vay, cụ thể ngày 26/7/2014 trả 50.000.000 đồng, ngày 15/10/2014 trả 300.000.000 đồng, ngày 18/2/2015 trả 50.000.000 đồng, sau đó ông Đ không trả bà L thêm đồng nào nữa mặc dù bà L đã nhiều lần đòi nợ. Nay bà L yêu cầu Tòa án buộc ông Đ trả nợ 100.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi chưa trả tính từ ngày vay 16/01/2012 đến ngày 17/8/2020 theo mức lãi suất 13,5%/năm tính thành tiền là 177.951.250 đồng.

Đối với việc vay nợ này, bà L xác định đây là vay mượn cá nhân giữa bà L và ông Đ, không liên quan đến người thứ ba.

** Bị đơn là ông Đoàn Ngọc Đ trình bày:*

Ông và bà Bùi Thị Kim L chỉ có mối quan hệ quen chồng bà L. Ngày 16/01/2012 ông có vay của bà Bùi Thị Kim L 500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 20 %/năm, ông viết giấy vay tiền cho bà L. Hai bên thỏa thuận miệng thời hạn vay là 01 tháng, nhưng do không trả được nên hai bên lại thỏa thuận thời gian vay là 01 năm, tức là đến hết ngày 16/01/2013. Hết thời hạn vay vay 01 năm (ngày 16/01/2013) ông đã trả được toàn bộ tiền lãi trong 01 năm cho bà L là khoảng gần 97.000.000 đồng, sau đó hai bên thỏa thuận thống nhất từ ngày 17/01/2013 không tính lãi nữa để ông bắt đầu trả dần tiền vay gốc, đến ngày 26/7/2014 ông trả được 50.000.000 đồng, ngày 15/10/2014 trả được 300.000.000 đồng, ngày 18/2/2015 trả được 50.000.000 đồng. Sau này, do ông không trả được nốt khoản nợ, bà L đòi nhiều lần thì ông có đề nghị bà L chuyển tiền lãi đã trả năm đầu tiên sang thành trả tiền gốc coi như là hết nợ, nhưng bà L không đồng ý nên đã khởi kiện ra Tòa án, nay quan điểm của ông là ông không đồng ý trả tiền lãi vì các bên đã thống nhất dừng lãi từ ngày 17/01/2013, còn tiền gốc nợ còn bao nhiêu thì ông sẽ trả.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/6/2020, ông Đ xác định ông đã trả tiền nợ cho chồng bà L là ông Tôn Văn T nhận, tổng cộng khoảng 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 31/7/2020, ông Đ xác định ông T không liên quan gì đến việc vay nợ giữa bà L và ông Đ.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Tôn Văn Thắng trình bày như sau:*

Ông và bà Bùi Thị Kim L là vợ chồng, giữa ông và ông Đoàn Ngọc Đ chỉ có mối quan hệ quen biết. Việc vợ ông cho ông Đoàn Ngọc Đ vay mượn tiền như thế nào ông không biết và ông cũng không nhận khoản tiền trả nợ nào của ông Đ cho vợ ông. Vì lý do công việc, ông xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Ông T đại diện theo ủy quyền của bà L chỉ yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay còn nợ là 84.170.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/01/2012 đến ngày 03/9/2020 (ngày xét xử sơ thẩm), trên số tiền gốc còn nợ theo các mốc thời

gian ông Đ đã trả nợ vay cho bà L theo mức lãi suất 13,5%/năm, trừ đi số tiền lãi ông Đ đã trả được là 83.330.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết đối với vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải ngày 15/7/2020, vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do chính đáng.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Buộc ông Đoàn Ngọc Đ có nghĩa vụ trả bà Bùi Thị Kim L tổng số tiền 266.082.000 đồng, trong đó nợ gốc 84.170.000 đồng và tiền lãi là 181.912.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Đoàn Ngọc Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 13,5%/năm, tương ứng 1,125%/ tháng và 0,0375%/ngày.

3. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đoàn Ngọc Đ.

- Hoàn trả bà Bùi Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí 10.006.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001298 ngày 26/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và pháp luật áp dụng:

Bà Bùi Thị Kim L khởi kiện ông Đoàn Ngọc Đ về tranh chấp hợp đồng vay tiền là quan hệ dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hợp đồng tranh chấp giữa các bên được ký kết năm 2012 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Ông T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ

quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, giải quyết vắng mặt ông Đ và ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc và lãi của nguyên đơn:

Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận như sau: Ngày 16/01/2012 bà Bùi Thị Kim L cho ông Đoàn Ngọc Đ vay 500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 20 %/năm, ông Đ viết giấy vay tiền cho bà L, ngày 26/7/2014 ông Đ trả được 50.000.000 đồng, ngày 15/10/2014 trả được 300.000.000 đồng, ngày 18/2/2015 trả được 50.000.000 đồng. Do đó, đủ căn cứ xác định việc cho vay có lãi giữa hai bên, số tiền vay là 500.00.000 đồng và phía ông Đ đã trả được 400.000.000 đồng tiền vay vào các ngày 26/7/2014, ngày 14/10/2014 và ngày 18/2/2015.

ÔNG Đ cho rằng hết năm vay đầu tiên (Ngày 12/01/2013) đã trả được 97.000.000 đồng tiền lãi và hai bên đã thỏa thuận tính tiền lãi mà ông đã trả năm đầu tiên trừ vào tiền vay gốc và không tính lãi, nhưng ông không đưa ra được căn cứ cho lời trình bày về việc trừ tiền lãi vào tiền vay, phía nguyên đơn xác nhận hết năm đầu tiên bị đơn chỉ trả được 83.330.000 đồng tiền lãi, nhưng không xác nhận việc trừ tiền lãi năm đầu tiên vào tiền vay gốc. Do đó, chỉ có căn cứ xác định số tiền lãi bị đơn đã trả trong năm đầu tiên là 83.330.000 đồng.

Đối với lãi suất các bên thỏa thuận 20%/năm ghi trong Giấy vay tiền là cao hơn so với mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự, phía nguyên đơn đề nghị tính lãi suất 13,5%/năm, tại thời điểm năm 2012 lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự để xác định lãi suất được áp dụng trong vụ án này là $9 \times 150\% = 13,5\%$ /năm, tương ứng 1,125%/ tháng và 0,0375%/ngày, phù hợp với mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu nên chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn về mức lãi suất 13,5%/năm. Theo cách tính này thì lãi suất năm đầu tiên theo quy định bị đơn phải trả cho nguyên đơn được tính như sau: $500.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\%/\text{năm} = 67.500.000 \text{ đồng}$, theo như trên thì bị đơn đã trả lãi năm đầu tiên là 83.330.000 đồng nên số tiền lãi bị đơn đã trả thừa năm đầu tiên cho nguyên đơn là: $83.330.000 \text{ đồng} - 67.500.000 \text{ đồng} = 15.830.000 \text{ đồng}$ được trừ vào số tiền vay của bị đơn. Do đó, tính hết ngày 16/01/2013 bị đơn đã trả được tiền gốc: $500.000.000 \text{ đồng} - 15.830.000 \text{ đồng} = 484.170.000 \text{ đồng}$, tính đến hết ngày 18/2/2015 bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền vay là: $484.170.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng} = 84.170.000 \text{ đồng}$ nên cần buộc bị đơn phải trả tiền vay còn nợ này.

Đối với lãi suất trên số tiền vay được tính từ ngày 17/01/2013 trên số tiền vay còn nợ 484.170.000 đồng và tiếp tục tính qua các lần trả nợ tiếp theo như sau:

-Từ ngày 17/01/2013 đến hết ngày 26/7/2014 là 18 tháng 10 ngày tính trên số tiền nợ 484.170.000 đồng, tính thành tiền: $18 \text{ tháng} \times 484.170.000 \text{ đồng} \times 1,125\% + 10 \text{ ngày} \times 484.170.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% = 99.860.000 \text{ đồng}$.

-Từ ngày 27/7/2014 đến hết ngày 15/10/2014 là 02 tháng 19 ngày, tính trên số tiền còn nợ $484.170.000 \text{ đồng} - 50.000.000 \text{ đồng} = 434.170.000 \text{ đồng}$, thành tiền:

$02 \text{ tháng} \times 434.170.000 \text{ đồng} \times 1,125\% + 19 \text{ ngày} \times 434.170.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% = 12.862.000 \text{ đồng}.$

-Từ ngày 16/10/2014 đến hết ngày 18/02/2015 là 04 tháng 03 ngày, tính trên số tiền còn nợ $434.170.000 \text{ đồng} - 300.000.000 \text{ đồng} = 134.170.000 \text{ đồng}$, thành tiền: $04 \text{ tháng} \times 134.170.000 \text{ đồng} \times 1,125\% + 03 \text{ ngày} \times 134.170.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% = 6.189.000 \text{ đồng}.$

-Từ ngày 19/02/2015 đến ngày 03/9/2020 là 66 tháng 16 ngày, tính trên số tiền còn nợ $134.170.000 \text{ đồng} - 50.000.000 \text{ đồng} = 84.170.000 \text{ đồng}$, thành tiền: $66 \text{ tháng} \times 84.170.000 \text{ đồng} \times 1,125\% + 16 \text{ ngày} \times 84.170.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% = 63.001.000 \text{ đồng}.$

Tổng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (03/9/2020) bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn là $99.860.000 \text{ đồng} + 12.862.000 \text{ đồng} + 6.189.000 \text{ đồng} + 63.001.000 \text{ đồng} = 181.912.000 \text{ đồng}.$

[2.2] Đối với các vấn đề khác có liên quan:

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông T cùng nguyên đơn, bị đơn trong quá trình làm việc tại Tòa án đều xác định ông T không liên quan đến vụ án, do đó không xem xét đến quyền và nghĩa vụ của ông T trong vụ án này.

Do các bên có thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

[2.3]. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn thuộc diện người cao tuổi nên áp dụng điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471; Điều 474; khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 4, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạm vi phạm;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Kim L.

2. Buộc ông Đoàn Ngọc Đ có nghĩa vụ trả bà Bùi Thị Kim L số tiền 266.082.000 đồng, trong đó nợ gốc 84.170.000 đồng và tiền lãi là 181.912.000 đồng

theo Giấy vay tiền ngày 16/01/2012.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Đoàn Ngọc Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 13,5%/năm (tương ứng 1,125%/ tháng và 0,0375%/ngày).

3. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đoàn Ngọc Đ.
- Hoàn trả bà Bùi Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí 10.006.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001298 ngày 26/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND T. Bắc Giang
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Mạnh Thắng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

